**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài** | | **2** | | **Mã số** |
|  | | |  | | |
| **3** | **Dạng đề tài** | | | | |
| □ Nghiên cứu cơ bản  □ Nghiên cứu triển khai | | | | | |
| **4** | **Thời gian thực hiện: .......... tháng** | | **5** | **Cấp quản lý** | |
| (Từ tháng ....../20.... đến tháng ....../20....) | | | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | | |
| **6** | **Kinh phí ........................... Đồng, trong đó:** | | | | |
| **Nguồn** | | **Tổng số (Đồng)** | | | |
| - Từ Ngân sách khoa học Trường | |  | | | |
| - Từ nguồn khác (ghi rõ nguồn cấp) | |  | | | |
| **7** | □ **Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình)** | | | | |
|  |  | | | | |
|  | □ **Tự đề xuất** □ **Đặt hàng (công văn số……..)** | | | | |
| **8** | **Chủ nhiệm đề tài** | | | | |
| Họ và tên:..............................................................................................................................  Năm sinh: ............................................... ................. Nam/Nữ: ............................................  Học vị: ...................................... Chuyên ngành:................Năm đạt học vị: .............................  Chức danh khoa học:................. Chuyên ngành:............... Năm được phong chức danh: .........  Chức vụ (nếu có): ...................................................................................................................  Tên cơ quan đang công tác: ....................................................................................................  Địa chỉ cơ quan: .....................................................................................................................  Điện thoại cơ quan: ......................... Fax ......................... ....................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................  Điện thoại nhà riêng: ......................... DTDĐ: ......................... E-mail: ................................. | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **9** | **Cơ quan chủ trì và quản lý đề tài** |
| **9.1.** Tên cơ quan chủ trì đề tài: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch  Điện thoại: 028.38.652.435 Fax: 028.38.650.025  E-mail: info@pnt.edu.vn Website: www.pnt.edu.vn  Địa chỉ: Số 02 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh  Số tài khoản: 110000031050  Ngân hàng: Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam (NH Vietinbank) chi nhánh TPHCM  **9.2.** Cơ quan quản lý đề tài: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | |

# II. NỘI DUNG KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

**10. Đặt vấn đề:** (cần nêu rõ lý do, tính cần thiết tại sao phải tiến hành đề tài?)

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

**11. Mục tiêu của đề tài** (bám sát và cụ thể hoá mục tiêu đặt hàng - nếu có đặt hàng)

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

**12. Tổng quan tình hình nghiên cứu và tính cấp thiết của đề tài:**

(Thể hiện sự hiểu biết cần thiết của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì đề tài về lĩnh vực nghiên cứu; nắm được thông tin những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, nêu rõ quan điểm của tác giả về tính cấp thiết của đề tài… Cần nêu rõ bối cảnh nghiên cứu, bối cảnh dẫn tới thực hiện đề tài, (hạn chế nêu lại kiến thức cơ bản), những thực tiễn trong lĩnh vực của đề tài nghiên cứu, có cập nhật các kết quả nghiên cứu tương tự trong và ngoài nước,… Tùy chủ đề, hình thức và mục đích nghiên cứu mà chủ nhiệm đề tài viết tổng quan phù hợp *(độ dài không quá 40 trang).)*

***12.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài***

***Ngoài nước:*** (Trình bày tổng quan như theo hướng dẫn ở trên)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***Trong nước:*** (Trình bày tổng quan như theo hướng dẫn ở trên)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***12.2. Tính cấp thiết của đề tài :***

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***12.3.*** ***Ý nghĩa và tính mới về khoa học và thực tiễn:***

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

***12.4. Tình trạng đề tài:***

□Mới □Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

□ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

**13. Nội dung nghiên cứu** (Liệt kê và mô tả những nội dung cần n/c, nêu bật những nội dung mới và phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra, kể cả những dự kiến hoạt động phối hợp để chuyển giao kết quả n/c đến người sử dụng)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**14. Phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề** (Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề n/c, các phương pháp sẽ sử dụng- so sánh với các phương thức giải quyết tương tự khác, nêu được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài.

Phần Phương pháp nghiên cứu, tùy theo chủ đề và thiết kế, nhưng cần phải nêu rõ các điểm chính bao gồm: Thiết kế NC, Cỡ mẫu, Cách chọn mẫu, Tiêu chí nhận vào, loại ra, Các biến số cần thu thập (có mô tả cụ thể), Thu mẫu được thực hiện như thế nào, Xử lý dữ liệu và Phân tích dữ liệu ra sao, và cả Vấn đề Y đức liên quan đến đề tài. Đối với đề tài có tính chất can thiệp, thì phải mô tả rõ biện pháp can thiệp.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **15** | **Hợp tác quốc tế (nếu có)** | | |
| Đã hợp tác | | **Tên đối tác** *(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)* | **Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung, lý do, hình thức hợp tác, kết quả thực hiện hỗ trợ cho đề tài này )* |
|  |  |
| Dự kiến hợp tác | | **Tên đối tác** *(Người và tổ chức khoa học và công nghệ)* | **Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung cần hợp tác; lý do hợp tác; hình thức thực hiện; dự kiến kết quả hợp tác đáp ứng yêu cầu của đề tài)* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **16** | **Tiến độ thực hiện (phù hợp với những nội dung đã nêu bên trên**) | | | |
| **TT** | **Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện** (các mốc đánh giá chủ yếu) | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** (bắt đầu, kết thúc) | **Người, cơ quan thực hiện** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **17** | **Dạng kết quả dự kiến của đề tài** | | |
| **Dạng kết quả I** | | **Dạng kết quả II** | **Dạng kết quả III** |
| □ Nguyên lý | | □ Sơ đồ, bản đồ | □ Bài báo |
| □ Phương pháp | | □ Bảng số liệu | □ Sách chuyên khảo |
| □ Tiêu chuẩn, quy phạm | | □ Báo cáo phân tích | □ Tài liệu phục vụ giảng dạy, đào tạo sau đại học |
| □ Mẫu (Model, market) | | □ Tài liệu dự báo |  |
| □ Thiết bị, máy móc | | □ Đề án, qui hoạch triển khai |  |
| □ Quy trình công nghệ | | □ Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi |  |
| □ Giống cây trồng, vật nuôi | | □ Mô hình |  |
| □ Khác | | □ Khác | □ Khác |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **18** | **Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I, II)** | | | | | |
| TT | **Tên sản phẩm** | | **Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được**  **(**tiêu chuẩn chất lượng**)** | | | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | | 3 | | | 4 |
|  |  | |  | | |  |
|  |  | |  | | |  |
|  |  | |  | | |  |
|  |  | |  | | |  |
|  |  | |  | | |  |
|  |  | |  | | |  |
|  |  | |  | | |  |
| **19** | **Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả III)** | | | | | |
| TT | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được** | | **Dự kiến nơi công bố**  (Tạp chí, Nhà xuất bản) | **Ghi chú** | |
| 1 | 2 | 3 | | 4 | 5 | |
|  |  |  | |  |  | |
|  |  |  | |  |  | |
|  |  |  | |  |  | |
|  |  |  | |  |  | |
| **20** | **Kế hoạch triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu (tên tổ chức, đơn vị tiếp nhận kết quả nghiên cứu, phương thức chuyển giao , kinh phí dự trù)** | | | | | |
| ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................... | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **21** | **Các lợi ích mang lại và các tác động của kết quả nghiên cứu** |
| ***21.1. Đối với việc xây dựng đường lối, pháp luật, chính sách***  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ***21.2. Đối với phát triển kinh tế - xã hội***  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ***21.3. Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu***  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ***21.4. Đối với phát triển lĩnh vực khoa học có liên quan***  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ***21.5. Đối với công tác đào tạo cán bộ khoa học (kể cả việc nâng cao năng lực, hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu của các cá nhân và tập thể khoa học thông qua việc thực hiện đề tài)***  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | |

# IV. CÁC TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **22** | **Các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện đề tài** | | | |
| (Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo mẫu hướng dẫn của Sở KH&CN TP.HCM) | | | | |
|  | **Tên tổ chức, cá nhân** | **Cơ quan công tác** | **Nội dung  công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho đề tài**  **(Số tháng qui đổi)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |

# V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ (Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **22** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
|  |  |  | **Công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên,**  **vật liệu** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sữa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH: |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Các nguồn vốn khác:  - Vốn tự có của  cơ sở  - Khác (vốn huy động, ...) |  |  |  |  |  |  |

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ...... tháng ...... năm …...*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Chủ nhiệm đề tài**  (Họ tên và chữ ký) |
|  |  |
| **Phòng NCKH**  (Họ tên và chữ ký) | **Chủ tịch hội đồng**  (Họ tên và chữ ký) |
|  |  |

## PHỤ LỤC

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

***(Theo nội dung chi)***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | |
| **Kinh phí** | | **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
|  |  | Mục A | Mục B |  |  |  |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1 | Công lao động (khoa học, phổ thông) |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguyên, vật liệu, năng lượng\* |  |  |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc\* |  |  |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ\* |  |  |  |  |  |
| 5 | Dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu |  |  |  |  |  |
| 6 | Chi bồi dưỡng người tham dự |  |  |  |  |  |
| 7 | Chi nghiên cứu trực tiếp khác (Chi điều tra, khảo sát, Công tác trong ngoài nước, Hợp tác,…) |  |  |  |  |  |
| 8 | Chi khác\*\* |  |  |  |  |  |
| 9 | Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

\* Theo Quy trình thanh toán tại Trường:

+ <20 triệu đồng: chủ nhiệm đề tài mua có hóa đơn chứng từ

+ từ 20 đến <50 triệu đồng: Hợp đồng, kèm hóa đơn

+ từ 50 triệu đồng trở lên: mua thông qua đấu thầu bởi Phòng Thiết bị Dự án.

**\*\*** mục này có nội dung không trùng lắp với tất cả 7 mục phía trên

**Giải trình các khoản chi**

**A. CÁC KHOẢN CHI ĐƯỢC GIAO KHOÁN THEO TT 03/2023/TT-BTC**

**Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung lao động** | **Hệ số chức danh** | **Số người trong nhóm chức danh** | **Định mức thù lao (theo lương cơ bản)** | **Tổng số tháng quy đổi** | **Tổng thù lao** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 |  |  |  |  | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Thuê khoán lao động khoa học(thuê khoán n/c, báo cáo khoa học, nhận xét chuyên gia, thuê chuyên gia nước ngoài (có ý kiến chấp thuận của UBNDTP khi dùng tiền NSKH), n/c thiết kế mẫu điều tra, điều tra khảo sát, thù lao thuê khoán, khác...) |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thuê khoán lao động phổ thông |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

Theo khoản 1 Điều 4 [Thông tư 02/2023/TT-BKHCN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Thong-tu-02-2023-TT-BKHCN-xay-dung-du-toan-nhiem-vu-khoa-hoc-co-su-dung-ngan-sach-565647.aspx?anchor=dieu_4) quy định

*Hệ số chức danh lao động khoa học của các chức danh như sau:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỨC DANH** | **HỆ SỐ LAO ĐỘNG KHOA HỌC** |
| 1 | Chủ nhiệm nhiệm vụ | 1,0 |
| 2 | Thư ký khoa học | 0,3 |
| 3 | Thành viên chính | 0,8 |
| 4 | Thành viên | 0,4 |
| 5 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 0,2 |

*+ Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.*

*+ Định mức thù lao (theo lương cơ bản) được tính dựa trên tự phân công của đề tài:*

VD: Chủ nhiệm đề tài đang có hệ số lương cơ bản là 3,99 thì tính như sau: ĐMTL= 2.380k \* 3,99

Đánh giá thời gian lao động để tính công: cần xét kỹ thời gian thực làm của chủ nhiệm đề tài và các thành viên và không vượt quá tổng số thời gian làm việc thực tế trong ngày.

**Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi**  **Nội dung** | | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Nguyên, vật liệu | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | (có định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ ngành chức năng ban hành) | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Vật dụng năng lượng khác… | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |

**Khoản 3: Thiết bị, máy móc** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi**  **Nội dung** | | **Tên nhãn hiệu** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Tên thiết bị, máy móc | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | (có định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ ngành chức năng ban hành) | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tên phụ tùng thay thế | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tên thiết bị khác | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |

**Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi**  **Nội dung** | | **Tên nhãn hiệu** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Tên hạng mục xây dựng mới | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tên hạng mục sửa chữa | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Hạng mục sửa chữa khác | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |

**Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi**  **Nội dung** | | **Hạng mục** | **Số lượng** | **Định mức** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Thuê điều tra khảo sát | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thuê kiểm định | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thuê phân tích, xử lý | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |

**Khoản 6: Chi bồi dưỡng người tham dự** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi**  **Nội dung** | | **Loại sản phẩm** | **Số lượng** | **Định mức** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Bồi dưỡng sinh phẩm (máu, dịch tiết,…) | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Bồi dưỡng lấy mẫu mô cơ quan (nếu có) | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Trả lời phỏng vấn (bảng câu hỏi trực tiếp, gián tiếp) | |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Trả lời phỏng vấn sâu hoặc thảo luận nhóm (định tính) | |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Bồi dưỡng tham dự khác | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |

**Khoản 7: Chi nghiên cứu trực tiếp khác** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi**  **Nội dung** | | **Loại** | **Số lượng** | **Định mức** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Chi điều tra, khảo sát | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi công tác trong nước | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi hợp tác | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi vận chuyển hậu cần | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |

**Khoản 8: Chi khác** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| ***1*** | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  |
|  | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...phải xin phép cơ quan hữu quan) |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Kinh phí quản lý đề tài (5%)*** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp*** |  |  |  |  |
|  | - Chi phí xét duyệt |  |  |  |  |
|  | - Chi nghiệm thu trung gian (Giám định) |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu cơ sở |  |  |  |  |
|  | - Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài |  |  |  |  |
| ***4*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  |
|  | - Hội nghị |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |
|  | - Dịch tài liệu |  |  |  |  |
|  | - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ |  |  |  |  |
|  | - Khác |  |  |  |  |
| ***6*** | ***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài*** |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |

**Tổng cộng các khoản chi được khoán (A) = Khoản 1 + Khoản 2 + Khoản 3 + Khoản 4 + Khoản 5 + Khoản 6 + Khoản 7 + Khoản 8**

**B. CÁC KHOẢN CHI NGOÀI KHOÁN THEO TT 03/2023/TT-BTC**

**Khoản 1: Nguyên vật liệu, năng lượng** *Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Mục chi**  **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **TT** | **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
|  |  |  |  |  |  | 7 | 8 | 9 |
| 1 | Nguyên, vật liệu (không có định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ ngành chức năng ban hành) |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | - Xăng, dầu |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nhiên liệu khác |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | - Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Thiết bị, máy móc** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| ***I*** | ***Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (***chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3) | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | ***Thiết bị mua mới*** | |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Mua thiết bị, công nghệ | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Mua bằng sáng chế, bản quyền | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Mua phần mềm máy tính | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| ***III*** | ***Khấu hao thiết bị (***chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp) | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| ***IV*** | ***Thuê thiết bị (***ghi tên thiết bị, thời gian thuê) | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| ***V*** | ***Vận chuyển lắp đặt*** | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |

**Khoản 3. Xây dựng, sửa chữa** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Chi phí xây dựng ...... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa ....... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |

**Khoản 4. Chi khác** *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | |
| **NSKH** | **Tự có** | **Khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|  | ***Dịch vụ thuê ngoài*** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | Công tác |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  |
|  | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,..có ý kiến chấp thuận của UBNDTP khi dùng tiền NSKH.) |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI |